

Bản án số: 108/2019/ DS-PT
Ngày: 18/6/2019
V/v “Tranh chấp hợp đồng
góp hui (họ)”

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH KIÊN GIANG

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Đặng Thị Bích Vân

Các Thẩm phán: Bà Nguyễn Diệu Hiền

Ông Trần Bình Đào

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Ánh Nguyệt – Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Kiên Giang.

- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân tỉnh Kiên Giang tham gia phiên tòa: Ông Trịnh Văn Dương - Kiểm sát viên tham gia phiên tòa.

Ngày 18 tháng 6 năm 2019 tại Trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Kiên Giang xét xử phúc thẩm công khai vụ án thụ lý số 86/2019/TLPT-DS ngày 20 tháng 05 năm 2019 về tranh chấp hợp đồng góp hui (họ).

Do bản án dân sự sơ thẩm số 11/2019/DS-ST ngày 22 tháng 3 năm 2019 của Tòa án nhân dân thành phố R, tỉnh K bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số: 141/2019/QĐ-PT ngày 31 tháng 5 năm 2019 giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Bà Trần Thị T, sinh năm: 1964, có mặt.

Địa chỉ: Số 1052 đường M, Phường. V, thành phố, tỉnh K.

- Bị đơn: Bà Bành Thị Th, sinh năm: 1962, có mặt.

Địa chỉ: Số 169 đường Nguyễn Trường T, P. V, thành phố R, tỉnh K.

- Người kháng cáo: Bà Bành Thị Th là bị đơn.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Nguyên đơn bà Trần Thị T trình bày: Vào ngày 20/10/2016 âm lịch (AL), bà Bành Thị Th có tham gia chơi hai phần hui loại 3.000.000 đồng (một tháng góp 02 lần), do bà làm chủ hui, dãy hui có 30 hui viên. Bà Th đã lĩnh (hót) hui xong lần thứ 22 và 23, vào các ngày 12/6/2017 (AL) và ngày 26/6/2017 (AL). Từ ngày 12/9/2017 (AL) đến ngày mãi hui là ngày 12/12/2017 (AL) là 7 kỳ,

tổng số tiền hội chưa góp cho hội viên khác là 39.000.000 đồng. Bà nhiều lần đến nhà bà T lấy tiền nhưng bà T không góp hội nên từ tháng 9/2017(AL) bà phải vay mượn tiền để góp hội thay cho bà T.

Nay bà yêu cầu Tòa án giải quyết buộc bà T phải trả số tiền hội còn nợ là 39.000.000 đồng và tiền lãi phát sinh chậm trả theo quy định pháp luật tính từ tháng 12/2017 (AL) đến khi giải quyết xong vụ án.

Bị đơn bà Bành Thị Th trình bày: Vào năm 2017 bà có tham gia chơi hội của bà T, loại hội 3.000.000 đồng, tham gia 02 phần. Tháng 7/2017 bà đã hốt xong hai phần hội và cho bà T mượn lại số tiền 124.000.000 đồng, lãi suất 3%/tháng, hẹn 3 tháng trả nhưng bà T không thực hiện và cũng không đến nhà để gom hội. Đến tháng 12/2017 thì đây hội kết thúc (mãn hội) nên bà kêu bà T trừ hội vào tiền vay nợ trên, số tiền còn lại thì bà T tiếp tục trả nhưng đến nay bà T cũng không trả tiền cho bà

Nay bà đồng ý trả số tiền 39.000.000 đồng theo yêu cầu của bà T nhưng không đồng ý trả lãi do bà

Bản án dân sự sơ thẩm số: 11/2019/DS-ST ngày 22 tháng 3 năm 2019 của Tòa án nhân dân thành phố R, tỉnh K đã quyết định:

Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của bà Trần Thị T về việc tranh chấp nợ hội với bà Bành Thị Th

Buộc bà Bành Thị Th có nghĩa vụ trả cho bà Trần Thị T số tiền gốc 39.000.000 đồng và lãi suất là 6.142.500 đồng, tổng cộng gốc và lãi là 45.142.500 đồng sau khi bản án có hiệu lực pháp luật.

Ngoài ra, bản án sơ thẩm còn tuyên về án phí lãi suất chậm trả và báo quyền kháng cáo theo hạn luật định.

*** Sau khi xét xử sơ thẩm, ngày 01/4/2019 bà Bành Thị Th kháng cáo:** Yêu cầu cấp phúc thẩm xem xét trừ tiền nợ hội 39.000.000 đồng vào tiền 100.000.000 đồng mà bà T nợ, bà không đồng ý trả lãi chậm trả và không đồng ý đóng án phí, đồng thời xin miễn nộp án phí vì cha bà là người có công với cách mạng.

Tại phiên tòa phúc thẩm, bà T trình bày và yêu cầu như đơn kháng cáo, vì cho rằng bà với bà T đã thỏa thuận căn trừ số tiền xong nên không chịu lãi, bà tự nguyện chịu lãi tính từ tháng 5/2019; Bà T yêu cầu giữ nguyên bản án sơ thẩm.

Đại diện Viện Kiểm sát phát biểu ý kiến kết luận: Thẩm phán, Hội đồng xét xử phúc thẩm và các đương sự từ khi thụ lý vụ án đến thời điểm nghị án đã thực hiện và chấp hành đúng các quy định của Bộ luật tố tụng dân sự; Về hướng giải quyết vụ án đề nghị chấp nhận một phần kháng cáo của bà T, yêu cầu sửa bản án sơ thẩm về phần lãi suất.

Căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ đã được xem xét, thẩm tra tại phiên tòa; căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, trên cơ sở xem xét đầy đủ, toàn diện

các chứng cứ, ý kiến của đại diện Viện kiểm sát, của nguyên đơn, bị đơn và người tham gia tố tụng khác.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Xét nội dung kháng cáo của bà Bành Thị Th, Hội đồng xét xử xét thấy, trong quá trình giải quyết vụ án cũng như tại phiên tòa phúc thẩm các bên đều thừa nhận bà Bành Thị Th có tham gia 02 phần hội loại 3.000.000 đồng (một tháng góp 02 lần), mở hội ngày 20/10/2016 (AL) do bà Trần Thị T làm chủ hội, bà Th đã hót xong hai phần hội trên vào ngày 12/6/2017 (AL) và ngày 26/6/2017 (AL), do không góp tiền hội lại cho bà T nên tính đến ngày mãn hội 12/12/2017 (AL) thì bà Th còn nợ số tiền hội là 39.000.000 đồng. Căn cứ Điều 92 Bộ luật tố tụng dân sự đây là tình tiết, sự kiện không phải chứng minh.

[2] Xét lời khai của bà Bành Thị Th cho rằng bà T có vay của bà số tiền 100.000.000 đồng nên bà không đồng ý trả cho bà T số tiền nợ hội 39.000.000 đồng mà yêu cầu khấu trừ, số tiền còn lại yêu cầu bà T tiếp tục trả cho bà. Tuy nhiên, bà T và bà Th xác định đối với số tiền vay 100.000.000 đồng đã được bà Th khởi kiện và được Tòa án giải quyết bằng một bản án có hiệu lực pháp luật. Xét việc bà Th nợ tiền hội bà T là 39.000.000 đồng nhưng chưa được xem xét giải quyết trong bản án trước đó, nay bà T khởi kiện bà Th đối với số tiền này nên Tòa án cấp sơ thẩm xét xử buộc bà Th trả cho bà T là hoàn toàn phù hợp quy định pháp luật.

[3] Xét việc Tòa án cấp sơ thẩm áp dụng mức lãi suất 1,125%/tháng để tính lãi suất chậm trả đối với số tiền 39.000.000 đồng là chưa đúng theo quy định tại Khoản 2 Điều 30 Nghị định 144/2006/NĐ-CP ngày 27/11/2006 của Chính phủ về hộ, hội, biểu, phường. Do đó, trong trường hợp này chủ hội là bà T đã trả thay số tiền góp hội cho bà Th, thì bà Th phải trả lãi cho bà T theo mức lãi suất cơ bản do Ngân hàng Nhà nước công bố. Vì vậy, căn cứ theo Quyết định số 2868/QĐ-NHNN ngày 29/11/2010 quy định mức lãi suất cơ bản là 9%/năm (0,75%/tháng), theo đó bà T yêu cầu tính lãi từ tháng 01/2018 (nhằm tháng 12/2017 âm lịch) đến thời điểm xét xử sơ thẩm (tháng 3/2019) là 14 tháng, cụ thể như sau: $((39.000.000 \text{ đồng} \times 0,75\%/\text{tháng} \times 14 \text{ tháng}) = 4.095.000 \text{ đồng})$. Tổng cộng số tiền bà Th có nghĩa vụ phải trả cho bà T là 43.095.000 đồng (trong đó, tiền nợ gốc là 39.000.000 đồng và tiền lãi là 4.095.000 đồng).

Ngoài ra, bà Th có yêu cầu xin miễn án phí vì cha bà là người có công giúp đỡ cách mạng. Tuy nhiên, qua xem xét đối chiếu với các quy định pháp luật, bà Th không được miễn án phí theo quy định tại Điều 12 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức T, miễn, giảm, T, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án, nên Hội đồng xét xử không có cơ sở chấp nhận yêu cầu xin miễn tiền án phí của bà Th.

Từ những cơ sở và nhận định nêu trên, trong thảo luận và nghị án, Hội đồng xét xử phúc thẩm thống nhất với đề nghị của vị Đại diện Viện Kiểm sát là

chấp nhận một phần nội dung kháng cáo của bà B ành Thị Th, sửa bản án sơ thẩm về số tiền lãi suất chậm trả.

Do bản án sơ thẩm bị sửa nên án phí được tính lại như sau:

Án phí dân sự sơ thẩm: Buộc bà Th phải nộp số tiền án phí dân sự sơ thẩm có giá ngạch trên số tiền phải trả cho bà T là $43.095.000 \text{ đồng} \times 5\% = 2.154.750 \text{ đồng}$.

Án phí dân sự phúc thẩm: Bà Th không phải nộp 300.000 đồng do Hội đồng xét xử sửa bản án sơ thẩm.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 2 Điều 308, 309 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015; Điểm c, khoản 1, Điều 688 Bộ luật dân sự 2015 và Điều 479 Bộ luật dân sự 2005; Nghị định 144/2006/NĐ-CP ngày 27/11/2006 của Chính phủ về hộ, hội, biên, phường; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức T, miễn, giảm, T, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

- Chấp nhận một phần nội dung kháng cáo của bà B ành Thị Th.

- Sửa bản án dân sự sơ thẩm số 11/2019/DS-ST ngày 22 tháng 3 năm 2019 của Tòa án nhân dân thành phố R, tỉnh K.

Tuyên xử: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Trần Thị T đối với bà B ành Thị Th về việc “Tranh chấp hợp đồng góp hội (họ)”.

Buộc bà B ành Thị Th thực hiện nghĩa vụ trả cho bà Trần Thị T tổng số tiền là 43.095.000 đồng (Bốn mươi ba triệu, không trăm chín mươi lăm nghìn đồng), trong đó tiền gốc 39.000.000 đồng và tiền lãi là 4.095.000 đồng, sau khi bản án có hiệu lực pháp luật.

Kể từ ngày bản án, quyết định có hiệu lực pháp luật (đối với các trường hợp cơ quan thi hành án có quyền chủ động ra quyết định thi hành án) hoặc kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (đối với các khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành án xong tất cả các khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại Điều 357, Điều 468 của Bộ luật Dân sự năm 2015.

2. Về án phí dân sự:

- Án phí sơ thẩm: Buộc bà B ành Thị Th phải nộp số tiền là 2.154.800 đồng.

Hoàn trả cho bà Trần Thị T số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 975.000 đồng (Chín trăm bảy mươi lăm nghìn đồng) theo biên lai T số 0000351 ngày 06/12/2018 của Chi cục thi hành án dân sự thành phố Rạch Giá tỉnh Kiên Giang.

- Án phí phúc thẩm: Hoàn trả cho bà Bành Thị Thạm ứng án phí phúc thẩm số tiền là 300.000 đồng, theo biên lai T tiền số 0001632 ngày 04/04/2019 của Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Rạch Giá tỉnh Kiên Giang.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa Tận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án./.

Nơi nhận:

- VKSND tỉnh K;
- TAND Tp. R;
- THA dân sự Tp. R;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN-CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Đặng Thị Bích Vân

**HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
CÁC THẨM PHÁN**

CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Đặng Thị Bích Vân

Nơi nhận:

- VKSND tỉnh Kiên Giang;
- TAND huyện An Biên;
- THA dân sự huyện An Biên;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN-CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Đặng Thị Bích Vân

HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
CÁC THẨM PHÁN **CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Huỳnh Thị Út Mẫn

Trần Bá Kha

Đặng Thị Bích Vân